

Số: 487/BC-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích, thiết yếu cho an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, làm nòng cốt để nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

Nâng cao hiệu quả quản lý các hệ thống thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành thành phần kinh tế khác; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Coi trọng chiến lược phát triển thủy lợi nhằm phục vụ tốt cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nước sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi và dân sinh kinh tế. Đảm bảo an ninh, ổn định nguồn nước trước sức ép gia tăng dân số, ô nhiễm môi trường, những biến động bất lợi của thời tiết, nâng cao đời sống của nhân dân hưởng lợi từ các công trình thủy lợi, duy trì và cải thiện môi trường sinh thái, góp phần chống hạn trong mùa khô và chống lũ trong mùa mưa.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

Kế hoạch năm 2024, Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chính như sau:

- Diện tích tưới đạt 77.403 ha

Trong đó:

+ Diện tích được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 76.816 ha. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2024 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý.

+ Diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 587 ha. Diện tích này dựa trên kế hoạch hợp đồng tưới hàng năm với các Công ty giống cây trồng và trung tâm sản xuất giống cây trồng.

- Khối lượng nước cung cấp cho các đơn vị sản xuất nước sạch, sản xuất công nghiệp và dịch vụ đạt 27.391.059 (m³/năm).

- Tổng doanh thu kế hoạch đạt 104.181 triệu đồng.

Trong đó:

+ Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được ngân sách cấp đạt 67.132 triệu đồng.

+ Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi không được hỗ trợ 460 triệu đồng.

+ Doanh thu từ cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: 35.489 triệu đồng.

+ Doanh thu khác: 1.100 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế đạt 5.119 triệu đồng.

- Các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước đạt 3.415 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

1.1.1. Kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Dựa trên điều kiện thời tiết bình thường; căn cứ vào nguồn nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim trên sông Cái Phan Rang và lượng nước tích được trong các hồ chứa như Sông Cái, Sông Sắt, Sông Trâu, Tân Giang, Sông Biêu ...và một số hệ thống khác do Công ty quản lý; dựa trên hợp đồng ký kết với các đơn vị dùng nước và Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi Kế hoạch năm 2024 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận quản lý. Diện tích cụ thể:

- Tổng Diện tích tưới năm 2024: 77.403 ha, tăng 194 ha (tăng 0,25%) so với diện tích ước thực hiện năm 2023.

Trong đó diện tích được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 77.403 ha. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 về việc phê duyệt diện tích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi Kế hoạch năm 2024 và biện pháp tưới, tiêu của từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi quản lý.

Diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 587 ha. Diện tích này dựa trên kế hoạch hợp đồng tưới hàng năm với các Công ty giống cây trồng và trung tâm sản xuất giống cây trồng.

1.1.2. Kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

Đối với dịch vụ cung cấp nước cho các đơn vị sản xuất công nghiệp, sinh hoạt năm 2024. Công ty dự kiến tiếp tục ký hợp đồng cung cấp nước với 29 đơn vị với sản lượng tiêu thụ khoảng 27.391.059 (m³/năm). Đồng thời, Công ty tiếp tục ký kết hợp

đồng sử dụng nước từ công trình thủy lợi để kết hợp phát điện cho 02 Công ty thủy điện với doanh thu dự kiến 12.000 triệu đồng.

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm

1.2.1. Kế hoạch doanh thu năm 2024: 104.181 triệu đồng

Trong đó:

- Doanh thu được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng, sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi): 67.132 triệu đồng. Tăng 264 triệu đồng (tăng 0,39%) so với doanh thu ước thực hiện năm 2023.

Tăng do diện phê duyệt Kế hoạch năm 2024 tăng và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 12/7/2023. Về việc tính doanh thu hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 thực hiện theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ; Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 94/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Văn bản số 1813/UBND-KTTH ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 07/8/2023.

- Doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc đối tượng không được hỗ trợ tiền sử dụng và doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: 35.949 triệu đồng. Tăng 1.090 triệu đồng (tăng 3%) so với doanh thu ước thực hiện năm 2023.

Gồm có:

+ Doanh thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (diện tích không được hỗ trợ): 460 triệu đồng.

+ Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác: 35.489 triệu đồng.

Tổng doanh thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (diện tích không được hỗ trợ) và cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác tính theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ và theo đơn giá Quyết định số 134/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Đồng thời, Công ty tiếp tục ký kết hợp đồng sử dụng nước từ công trình thủy lợi để kết hợp phát điện từ hệ thống thủy lợi đập dâng Tân Mỹ, với doanh thu dự kiến 12.000 triệu đồng.

- Doanh thu khác: 1.100 triệu đồng

Doanh thu khác là khoản doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản thu khác. Ghi nhận theo thực tế thực hiện.

1.2.2. Kế hoạch chi phí năm 2024: 99.062 triệu đồng

- Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình: 36.600 triệu đồng. Giảm 1.500 triệu đồng (giảm 4%) so với ước thực hiện năm 2023. Chia ra:

+ Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình dưới 50 triệu: 5.000 triệu đồng.

+ Chi phí sửa chữa thường xuyên công trình trên 50 triệu: 31.600 triệu đồng.

Gồm:

Chi phí công trình danh mục kế hoạch thực hiện mới: 30.500 triệu đồng.

Chi phí công trình phân bổ của năm trước: 1.100 triệu đồng

- Chi lương và các khoản phụ cấp: 34.594 triệu đồng. Tăng 1.080 triệu đồng (tăng 3%) so với ước thực hiện năm 2023. Trong đó:

+ Quỹ lương kế hoạch của người lao động: 32.801 triệu đồng

Quỹ lương của người lao động Công ty được tính theo quy định của Nghị định 51/2016/NĐ-CP, Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và dựa trên tổng mức tiền lương theo hợp đồng kế hoạch.

+ Quỹ lương kế hoạch của người quản lý: 1.793 triệu đồng

Quỹ lương của người quản lý được tính theo quy định tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH

- Chi phí khấu hao TSCĐ: 1.550 triệu đồng. Tăng 100 triệu đồng (tăng 7%) so với ước thực hiện năm 2023.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần vào nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Riêng TSCĐ là các công trình hệ thống kênh mương, hồ đập,... Công ty không trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính.

- Chi phí quản lý: 5.320 triệu đồng. Tăng 320 triệu đồng (tăng 6%) so với ước thực hiện năm 2023.

Căn cứ Quyết định 78/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận là chi phí quản lý bằng 16,2% tổng quỹ lương. Nhưng Công ty tiết kiệm chi phí quản lý nên kế hoạch chi phí quản lý 5.320 triệu đồng.

Do các chi phí tăng như tiền thuế đất tăng, lao động tăng và tăng do trượt giá từng năm.

- Chi phí ăn ca: 3.070 triệu đồng. Tăng 270 triệu đồng (tăng 10%) so với ước thực hiện năm 2023.

Tăng do Công ty tiếp nhận bàn giao thêm một số công trình hồ đập, trong đó có hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ, Kiên Kiên-Lợi Hải, do đó số lượng cán bộ công nhân sẽ bổ sung tăng thêm để quản lý các công trình này. Dự kiến tổng số lao động kế hoạch là 344 người, trong đó lao động tăng thêm dự kiến 16 người.

- Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: 6.650 triệu đồng. Tăng 600 triệu đồng (tăng 10%) so với ước thực hiện năm 2023.

Trong đó:

Lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp dự kiến đóng theo hợp đồng lao động. Công ty trích nộp tổng cộng cho người lao động là 23,5% (gồm BHXH : 17,5%; BHYT: 3%; BHTN: 1%; KPCĐ : 2%).

Tăng do dự kiến tổng số lao động kế hoạch là 344 người và 6 người quản lý, trong đó lao động tăng thêm dự kiến 16 người.

- Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu vận hành công trình: 400 triệu đồng. Tăng 50 triệu đồng (tăng 14%) so với ước thực hiện năm 2023.

Thực hiện Quyết định 78/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận về định mức chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để bảo dưỡng vận hành công trình gồm đầu, mỡ, sơn dùng để bôi trơn chống gỉ sét để bảo dưỡng cho các công trình phục vụ cho việc tưới, tiêu nước trên tất cả các hệ thống công trình hồ, đập, kênh mương do Công ty quản lý nằm trên 7 Huyện và Thành phố của tỉnh.

- Chi phí trả tiền điện các trạm bơm: 4.700 triệu đồng. Tăng 100 triệu đồng (tăng 2%) so với ước thực hiện năm 2023.

Thực hiện theo Quyết định 78/2022/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và giá điện bình quân tháng 6/2023 làm căn cứ để tính.

- Chi phí đào tạo: 390 triệu đồng. Tăng 20 triệu đồng (tăng 5%) so với ước thực hiện năm 2023.

Dự kiến chi phí tổ chức học nâng cao tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và các chi phí học tập khác để bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ quản lý cho cán bộ công nhân viên.

- Chi phí làm thêm giờ: 1.400 triệu đồng. Tăng 150 triệu đồng (tăng 12%) so với ước thực hiện năm 2023.

Tăng do lao động kế hoạch tăng thêm.

Các khoản chi phí dùng để chi trả cho cán bộ công nhân quản lý phân phối điều tiết nước ngoài giờ phục vụ công tác phòng chống hạn, phòng chống lụt bão hàng năm.

(Thực hiện theo thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ban hành ngày 05 tháng 01 năm 2005 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ.)

- Chi phí trang phục và bảo hộ an toàn lao động: 3.000 triệu đồng. Tăng 300 triệu đồng (tăng 11%) so với ước thực hiện năm 2023.

Tăng do dự kiến tổng số lao động kế hoạch là 344 người, trong đó lao động tăng thêm dự kiến 16 người.

Chi phí trang phục và bảo hộ lao động theo quy định của Thông tư 178/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

- Chi mua sắm trang thiết bị dụng cụ: 780 triệu đồng. Tăng 0 triệu đồng (tăng 0%) so với ước thực hiện năm 2023.

Chi phí dùng để mua trang bị các dụng cụ đồ dùng quản lý cho Công ty, nhằm nâng cao năng lực hoạt động đem lại hiệu quả trong công việc.

- Chi phí thù lao kiểm soát viên không chuyên trách: 58 triệu đồng. Tăng 5 triệu đồng (tăng 9%) so với ước thực hiện năm 2023.

Chi phí thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách được tính toán chi tiết theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP.

- Chi phí phòng chống thiên tai đột xuất: 300 triệu đồng. Giảm 100 triệu đồng (giảm 33%) so với ước thực hiện năm 2023.

Quỹ phòng chống thiên tai phải nộp 100 triệu đồng.

Ninh Thuận là tỉnh thừa nắng thiếu mưa, điều kiện thời tiết phức tạp nên việc khô hạn là điều khó tránh khỏi, hàng năm việc hạn hán thiếu nước thường xảy ra từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm, lượng nước chứa trong các hồ thường xuống dưới mực nước chết, nên việc điều tiết phục vụ sản xuất, dân sinh là phải dùng rất nhiều giải pháp để chống hạn. Nên Công ty dự kiến chi phí chống hạn cho 8 trạm thủy nông trực thuộc mỗi đơn vị ước tính khoảng 25 triệu đồng cho một năm.

- Chi phí khác: 250 triệu đồng. Bằng với ước thực hiện năm 2023.

Gồm các khoản chi phí khác chưa được tính đến trong các khoản mục chi phí trên.

1.2.3. Kế hoạch lợi nhuận thực hiện trong năm 2024: 5.119 triệu đồng.
Tăng 59 triệu đồng (tăng 1%) so với ước thực hiện năm 2023.

Công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên chỉ tiêu lợi nhuận Công ty xây dựng trên cơ sở mức trích tối thiểu, dùng trích các quỹ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài Chính và để duy trì hoạt động của Công ty. Và theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2021-2025) tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận.

1.2.4. Kế hoạch chi từ các quỹ

- Chi Quỹ đầu tư phát triển: Kế hoạch năm 2024 Công ty dự kiến chi 2.300 triệu đồng.

- Chi Vốn tích lũy (vốn khấu hao): Kế hoạch năm 2024 Công ty dự kiến chi 3.000 triệu đồng.

1.2.5. Kế hoạch nộp ngân sách Nhà Nước năm 2024: 3.415 triệu đồng.
Tăng 375 triệu đồng (tăng 12%) so với ước thực hiện năm 2023.

Các khoản nộp tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước về doanh thu sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và các khoản phải nộp khác.

Do Công ty thuộc diện đơn vị trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành (đối với khoản doanh thu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi).

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
a)	Diện tích tưới tiêu	Ha	77.403
b)	Cấp nước thô	M3	27.391.059
c)	Cấp nước kết hợp cấp điện	Tỷ đồng	12
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	Ha	77.403
a)	Diện tích hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	76.816
b)	Diện tích phải thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	587
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	104,181
a)	Doanh thu được TW hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tỷ đồng	67,132
b)	Doanh thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi không được hỗ trợ	Tỷ đồng	35,949
	<i>- Thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không được hỗ trợ</i>	Tỷ đồng	<i>0,460</i>
	<i>- Thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (Khai thác tổng hợp dịch vụ thủy lợi)</i>	Tỷ đồng	<i>35,489</i>
c)	Doanh thu khác	Tỷ đồng	1,100
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,119
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,623
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	3,415
7	Kế hoạch chi tư từ các quỹ	Tỷ đồng	5.300

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...): *Không.*

(Đính kèm kế hoạch tài chính năm 2024)

Nơi nhận: *[Signature]*

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin & TT;
- Sở Tài chính;
- Sở NN&PTNT;
- Cổng thông tin điện tử của công ty;
- Chủ tịch, KSV, BGĐ công ty;
- Phòng TC-HC (T/h công bố thông tin);
- Phòng Tài vụ;
- Lưu: VT, KHKT. NHTH

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Công Xung